

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH BÌNH  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 118/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30 – 8 – 2022

V/v tranh chấp về hôn nhân và  
gia đình ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Trung.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Văn Liệt.

2. Bà Lý Thanh Tâm.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phan Văn Phụng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 30 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 240/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2022 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 86/2022/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Trần Thị Lệ Q, sinh năm 1999.

Địa chỉ cư trú: Số X, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đ.

**- Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1986.

Địa chỉ cư trú: Số B, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đ.

*Chị Trần Thị Lệ Q có mặt tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn C vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Trong đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị Lệ Q trình bày:**

*Về hôn nhân:* Chị Trần Thị Lệ Q và anh Nguyễn Văn C kết hôn năm 2017 và có đăng kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Đ vào ngày 24/8/2017. Hôn nhân giữa chị Q và anh C được xây dựng trên cơ sở tự tìm hiểu quen biết và kết hôn.

Trong khoảng thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, bất đồng ý kiến, hay cãi vã. Nguyên nhân do anh C mỗi lần đi nhậu về hay kiểm chuyện chửi mắng, cầm dao rượt chị Q. Chị Q và anh C thường xuyên cự cãi nhau về vấn đề tiền bạc, do anh C không đi làm phụ giúp kinh tế với chị Q. Thường ngày anh C hay tụ tập cùng bạn bè ăn nhậu, chơi bời bên ngoài xã hội, không quan tâm chăm sóc vợ con. Từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, chị Q và anh C sống ly thân từ tháng 6 năm 2019 đến nay. Khoảng thời gian sống ly thân vợ chồng có hàn gắn tình cảm nhưng không thành.

Nay chị Trần Thị Lệ Q yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

*Về con chung:* Chị Q và anh C có một con chung tên Nguyễn Thị Lệ C, sinh ngày 01/4/2014. Hiện nay, con chung đang sống chung với anh C. Chị Q thống nhất giao con chung cho anh C được tiếp tục nuôi dưỡng và thống nhất cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng là  $\frac{1}{2}$  tháng lương cơ sở do Nhà nước quy định tại từng thời điểm, cho đến khi cháu C trưởng thành (đủ 18 tuổi).

*Về tài sản chung và nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Nguyễn Văn C không có Văn bản ghi ý kiến gửi cho Tòa án.

*Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:*

- Đơn khởi kiện (Bản chính); Giấy chứng minh nhân dân của chị Trần Thị Lệ Q (Bản sao); Sổ hộ khẩu có tên chị Trần Thị Lệ Q (Bản sao); Giấy chứng nhận kết hôn (Bản chính); Trích lục khai sinh của Nguyễn Thị Lệ C (Bản sao); Xác nhận nơi cư trú của người bị kiện (Bản chính); Bản khai của chị Trần Thị Lệ Q ngày 05/8/2022 (Bản chính).

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Lệ Q và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là “*V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Nguyễn Văn C cư trú tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Nguyễn Văn C được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh C theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Trần Thị Lệ Q yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

Xét thấy, chị Q và anh C kết hôn năm 2017, có đăng ký kết hôn Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Đ vào ngày 24/8/2017, là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Trong quá trình chung sống chị Q và anh C phát sinh nhiều mâu thuẫn bất đồng ý kiến, thường hay cãi vã. Nguyên nhân do anh C mỗi lần đi nhậu về hay kiểm chuyện chửi mắng, cầm dao rượt chị Q. Chị Q và anh C thường xuyên cự cãi nhau về vấn đề tiền bạc, do anh C không đi làm phụ giúp kinh tế với chị Q. Thường ngày anh C hay tụ tập cùng bạn bè ăn nhậu, chơi bời bên ngoài xã hội, không quan tâm chăm sóc vợ con. Từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, chị Q và anh C sống ly thân từ tháng 6 năm 2019 đến nay. Khoảng thời gian sống ly thân anh, chị có hàn gắn tình cảm với nhau nhưng không thành. Hơn nữa, chị Q xác định giữa chị và anh C không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, không tạo điều kiện để cho nhau phát triển về mọi mặt.

Như vậy, có cơ sở xác định hôn nhân giữa chị Q và anh C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, chị Trần Thị Lệ Q yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn C là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị Trần Thị Lệ Q thống nhất giao con chung tên Nguyễn Thị Lệ Chi, sinh ngày 01/4/2014 cho anh Nguyễn Văn C được trực tiếp nuôi dưỡng.

Xét thấy, kể từ khi chị Q và anh C ly thân đến nay cháu C đang sống chung với anh C. Anh C là người đang trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Tại bản khai 26/7/2022, cháu Chi có nguyện vọng muốn tiếp tục sống chung với anh C. Tại bản khai ngày 05/8/2022, chị Q thống nhất giao cháu C cho anh C được tiếp tục nuôi dưỡng, chị Q tự nguyện cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Do đó, để tránh việc thay đổi môi trường sống, để đảm bảo cho cháu C phát triển toàn diện cả vật chất lẫn tinh thần cần giao cháu Nguyễn Thị Lệ C, sinh ngày 01/4/2014 cho anh C nuôi dưỡng là phù hợp.

*Về nghĩa vụ cấp dưỡng:* Chị Q tự nguyện cấp dưỡng cho cháu C với mức cấp dưỡng là  $\frac{1}{2}$  tháng lương cơ sở do Nhà nước quy định tại từng thời điểm cho đến ngày cháu C trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Xét thấy cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chưa thành niên. Do đó, chị Q tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 82 và Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị Lệ Q xác định là không có, không yêu cầu giải quyết. Anh C không có Văn bản ghi ý kiến gửi cho Tòa án nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Trần Thị Lệ Q phải chịu án phí về hôn nhân và gia đình và án phí về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Lệ Q.

- *Về hôn nhân*: Chị Trần Thị Lệ Q được ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

- *Về con chung*: Giao con chung tên Nguyễn Thị Lệ C, sinh ngày 01/4/2014 cho anh Nguyễn Văn C trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị Q và anh C được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Trần Thị Lệ Q tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung tên Nguyễn Thị Lệ C, sinh ngày 01/4/2014, với mức cấp dưỡng hàng tháng cho mỗi con chung là  $\frac{1}{2}$  mức lương cơ sở do Nhà nước quy định tại từng thời điểm. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 9 năm 2022 đến khi cháu C thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

*Về án phí*: Chị Trần Thị Lệ Q phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0010314 ngày 04 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Chị Trần Thị Lệ Q phải nộp thêm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí về cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Văn C không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- Đường sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- CC THA DS huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã T, huyện T, tỉnh Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Minh Trung**